

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST  
Ngày 01-8-2022  
V/v tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Minh Đa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

2. Bà Trần Thị Đẹp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM về việc “tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** P., địa chỉ: 121 S, B, MA United States (Hoa Kỳ).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và/hoặc ông Phạm Tuấn A, địa chỉ: Lâu 4, số 215, N, Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 11/03/2020.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Khóa kéo H; Địa chỉ: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 35, đường Y, khu phố 7, thị trấn U, thị xã T2, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phương Cao N, sinh năm: 1994, địa chỉ: Số 455, Nguyễn Đình C, Phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc ông Huỳnh Tấn V, sinh năm: 1979, địa chỉ: Số 33A, Nguyễn Đình Chiêu, Phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền 23/7/2022.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

P. là một công ty phần mềm toàn cầu cung cấp nền tảng và giải pháp công nghệ giúp các công ty thiết kế, sản xuất vận hành và cung cấp các dịch vụ cho một thế giới thông minh và kết nối.

P. hiện là chủ sở hữu các phần mềm PTC1 có các sản phẩm như là:

- C Parametric - trước đây là P/E
- C Simulate - trước đây là Pro/Mechanica
- C Direct - trước đây là CoCreate OneSpace Modeling
- C Options modeler
- C Illustrate schematics
- C View
- C Illustrate

Phần mềm PTC1 (trước đây là P/E), bao gồm nhưng không giới hạn các phiên bản sau: P/E 2001, P/E W 5.0, C 1.0, C 2.0, C 3.0, C 4.0, v.v. Trong đó, phiên bản C 2.0 và C 3.0 đã được đăng ký quyền tác giả tại Hoa Kỳ như sau:

- Giấy chứng nhận quyền tác giả phần mềm C 2.0 số: TX 7-632-395 do Văn phòng Bản quyền tác giả H cấp ngày 27 tháng 8 năm 2012;

- Giấy chứng nhận quyền tác giả phần mềm C 3.0 số: TX 8-041-376 do Văn phòng Bản quyền tác giả H cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Phần mềm PTC1, bao gồm các phiên bản C 2.0 và C 3.0, được bảo hộ tại Việt Nam theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, “Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1971” và “Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2001”. Do vậy, mọi hành vi sao chép, cài đặt, sử dụng Phần mềm PTC1 không được phép của PTC bị xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Kết luận thanh tra số 100/KL-TTr ngày 13/12/2018 (Biên bản kiểm tra ngày 12/12/2018) và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 của Chánh Thanh tra B đã kết luận bị đơn đã có hành vi sao chép các phần mềm không bản quyền, bao gồm:

- 01 bản phần mềm PTC1 P 2.0 (Phần mềm C 2.0);
- 02 bản phần mềm PTC1 P 3.0 (Phần mềm C 3.0);

Sau khi có Kết luận thanh tra, thông qua đại diện là Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu Trí tuệ V, nguyên đơn đã mời bị đơn làm việc để giải quyết khắc phục vi phạm trên cơ sở thương lượng và hoà giải nhưng bị đơn không có thiện chí hợp tác giải quyết mà còn tiếp tục sử dụng phần mềm PTC1 không bản quyền của nguyên đơn.

Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 198, Điều 199, Điều 202, Điều 204 và Điều 205 của Luật Sở hữu trí tuệ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn;

2. Buộc bị đơn chấm dứt việc sử dụng bất kỳ phần mềm nào không có bản quyền xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của nguyên đơn;

3. Buộc bị đơn loại bỏ tất cả các phần mềm PTC1 không có bản quyền trên các máy tính của bị đơn và cam kết không xâm phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào của nguyên đơn;

4. Buộc bị đơn phải xin lỗi công khai về những hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm máy tính PTC1 của nguyên đơn trên báo Nhân Dân, báo Bình Dương trong ba số liên tiếp.

5. Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

Giá trị thương mại - giá chuyển giao quyền sử dụng của 01 bản phần mềm PTC1 P 2.0 và 02 bản phần mềm PTC1 P 3.0 không có bản quyền (bản đầy đủ các module) là:

- 01 bộ phần mềm C 2.0:

01 x 10.420.380.000 đồng = 10.420.380.000 đồng

- 02 bộ phần mềm C 3.0:

02 x 10.691.780.000 đồng = 21.383.560.000 đồng

Tổng cộng là: 31.803.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn nộp đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện; nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bồi thường giá trị 03 tính năng của phần mềm: Giá bán 3 mô - đun có tính năng thiết kế (C Engineer), thiết kế khuôn mẫu (C complete mold Design) và gia công (C Machining) tính theo giá mà nhà phân phối đã bán cho khách hàng tại Việt Nam (trước ngày Công ty H bị thanh tra) như thể hiện trong các hợp đồng và hóa đơn do 02 nhà phân phối của P. (Công ty TNHH Phần mềm C1 và Công TNHH P) đã cung cấp cho Tòa án.

03 mô - đun có tính năng thiết kế, thiết kế khuôn mẫu và gia công của phần mềm PTC1, đây là các tính năng tối thiểu của phần mềm thiết kế mà bị đơn phải sử dụng để phục vụ cho việc thiết kế và sản xuất dây khóa kéo của bị đơn, như bị đơn đã giới thiệu trong “Video giới thiệu Công ty TNHH Khóa kéo H” thể hiện tại hình ảnh ghi nhận theo Vi bằng số 3157/2022/VB - TPLQ.10 đã nộp Tòa án theo văn bản ghi ngày 07/6/2022.

Nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn;

- Buộc bị đơn phải xin lỗi công khai về những hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm máy tính PTC1 của nguyên đơn trên báo Nhân Dân, báo Bình Dương trong ba số liên tiếp .

- Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

Giá trị thương mại - giá chuyển giao quyền sử dụng của 01 bản phần mềm C 2.0 và 02 bản phần mềm C 3.0 giới hạn theo 3 mô - đun có tính năng thiết kế, thiết kế khuôn mẫu và gia công là:

03 x 1.553.944.700 đồng = 4.661.834.100 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn một trăm đồng).

Những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm:

*Bản sao Giấy chứng nhận quyền tác giả phần mềm; Bản sao Giấy chứng nhận quyền tác giả phần mềm C 2.0 và 3.0; Bản sao Quyết định số 74/QĐ-XPVPHC, Kết luận thanh tra 100/KL-TTr, Biên bản kiểm tra máy tính số 02, 03, 34 ngày 12/12/2018 và Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2022.*

*\* Tại văn bản trình bày ngày 26 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Khóa kéo H (viết tắt Công ty H) trình bày ý kiến:*

Công ty H đã nhận được Thông báo số 03/TA-KT của Tòa án yêu cầu trình bày ý kiến và giao nộp chứng cứ trong vụ kiện tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ yêu cầu bồi thường thiệt hại của PTC, Công ty H có ý kiến như sau:

Kết quả kiểm tra ngày 12/12/2018 bởi Đoàn thanh tra liên ngành của Thanh tra B, Kết luận thanh tra số 100/KL-TTr ngày 13/12/2018 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 của Chánh Thanh tra Bộ V về vụ việc Công ty H có sao chép một số phần mềm không phép trong đó có phần mềm PTC1 của nguyên đơn. Công ty không có chủ trương vi phạm bản quyền phần mềm và cũng không có nhu cầu sử dụng, nhân viên công ty tự ý cài đặt phần mềm vẽ kỹ thuật vào máy tính để sử dụng cho mục đích cá nhân, sau sự việc xảy ra nhận lỗi. Ban Giám đốc đã tổ chức họp xem xét xử lý kỷ luật và chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với những cá nhân vi phạm.

Công ty H đã nghiêm túc thực hiện việc nộp phạt hành vi vi phạm hành chính và yêu cầu bộ phận IT gỡ bỏ hoàn toàn những phần mềm cài đặt không phép trong đó có phần mềm PTC1; đã nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 24/12/2018. Đồng thời cam kết đã thực hiện gỡ bỏ hoàn toàn, không còn sử dụng phần mềm nào của đơn vị PTC theo đúng kết luận và yêu cầu Văn bản số 100/KL-TTr của Bộ V tại thời điểm ngày 13/12/2018 cho đến nay.

Ngày 26/12/2018, Công ty H đã gặp gỡ đại diện của PTC là công ty TNHH Tư vấn Sở hữu Trí tuệ V (gọi tắt là VP) để trao đổi về kết luận của đoàn thanh tra; tại buổi làm việc cả hai bên đã không tìm được tiếng nói chung cho

việc thỏa thuận này. Công ty H chuyên sản xuất dây khóa kéo (phéc mơ tuya) nên thật sự không có nhu cầu mua phần mềm để vẽ kỹ thuật hay thiết kế sản phẩm trên phần mềm của PTC và khi đoàn thanh tra đến kiểm tra tại công ty thì Công ty mới biết có nhân viên đã tự ý cài đặt phần mềm PTC1 dùng cho mục đích cá nhân.

Đến ngày 11/11/2020, Công ty H nhận được Thông báo số 933/2020/Viet IP-CV về việc khởi kiện của PTC ING, trong văn bản này đại diện của PTC thông tin Công ty H còn sử dụng phần mềm PTC là không đúng sự thật, không có cơ sở.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có xâm phạm bản quyền phần mềm của nguyên đơn nhưng do nhân viên của bị đơn tự ý xâm phạm với mục đích để nghiên cứu, bị đơn không sử dụng bản quyền này vào mục đích thương mại nên không đồng ý bồi thường, bị đơn không thiết kế khuôn mẫu mà mua khuôn mẫu từ nước ngoài để sử dụng; để chứng minh cho lời trình bày của mình bị đơn có nộp bản sao Hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số SG130070/HĐMB ngày 09/12/2013 giữa bị đơn và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ T3. Về giá trị mua bán bản quyền phần mềm do nguyên đơn đưa ra là phù hợp, bị đơn không có ý kiến khác.

Nguyên đơn trình bày: Hành vi vi phạm quyền tác giả (bản quyền phần mềm (C 2.0 và C 3.0) của bị đơn đối với nguyên đơn đã rõ ràng, bị đơn đã chấp hành Quyết định số 74/QĐ-XPVPHC và nộp phạt, không khiếu nại; tuy nhiên, khi kiểm tra thì bị đơn vẫn còn sử dụng. Bị đơn trình bày không sử dụng vào mục đích thương mại nhưng kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền thể hiện trong các biên bản kiểm tra, kết luận thanh tra không thuộc trường hợp quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bồi thường số tiền và xin lỗi công khai 03 số liên tiếp trên Báo Bình Dương và Báo Nhân dân; nguyên đơn xin rút yêu: “Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn”, vì đã được giải quyết tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Nguyên đơn chứng minh là chủ sở hữu bản quyền phần mềm (C 2.0 và C 3.0) bằng giấy chứng nhận bản quyền cấp tại Hoa Kỳ cho nguyên đơn, bản dịch được hợp pháp hóa lãnh sự và công chứng đúng quy định; nguyên đơn chứng minh được giá trị giao dịch bản quyền phần mềm (không đầy đủ chức năng) ở thời điểm năm 2016 do Công ty TNHH Phần mềm C1 và Công ty TNHH P cung cấp.

Kết luận thanh tra số 100/KL-TTr và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 của Chánh Thanh tra B thể hiện đầy đủ nội dung về việc vi phạm bản quyền phần mềm của bị đơn đối với nguyên đơn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu mà nguyên đơn rút đơn không còn khởi kiện.

- Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn P. có địa chỉ tại 121 S, B, MA United States (Hoa Kỳ). Nguyên đơn là chủ sở hữu quyền tác giả phần mềm C 2.0 số: TX 7-632-395, theo Giấy chứng nhận quyền tác giả do Văn phòng Bản quyền tác giả H cấp ngày 27 tháng 8 năm 2012 và chủ sở hữu quyền tác giả phần mềm C 3.0 số: TX 8-041-376, theo Giấy chứng nhận quyền tác giả do Văn phòng Bản quyền tác giả H cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Quyền tác giả đối với phần mềm (nêu trên) của nguyên đơn được bảo hộ tại Việt Nam theo “Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1971”, “Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2001” và được quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Sở hữu trí tuệ (Công ước Berne và Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được viện dẫn trong Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT và DL-BKH và CN-BTP).

Do đó, P. có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam nếu có căn cứ xác định cá nhân, tổ chức tại Việt Nam vi phạm “quyền tác giả” mà nguyên đơn đã được bảo hộ theo quy định tại Điều 13 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều lệ của P. quy định về quyền hạn chung của nhiều người có chức vụ, quyền hạn trong Công ty P. trong đó có nhiệm vụ và quyền hạn của người có chức vụ Thư ký công ty (bút lục 135); Văn bản ủy nhiệm ngày 29/10/2018, Tổng giám đốc điều hành và Chủ tịch công ty ủy nhiệm cho Thư ký và Luật sư trưởng (bút lục 116) “*được quyền ký kết mọi hợp đồng, giấy ủy quyền và tất cả tài liệu giấy tờ hồ sơ khác, bao gồm tất cả các tài liệu giấy tờ pháp lý cho các vụ kiện dân sự, hành chính liên quan đến việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ...*” Trên cơ sở văn bản ủy quyền, Thư ký và Luật sư trưởng của P. ký đơn khởi kiện bằng tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/6/2020 và ký văn bản ủy quyền bằng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/6/2020, ủy quyền cho người Việt Nam (bà Nguyễn Thị Bích T1 và/hoặc ông Phạm Tuấn A) đại diện tham gia tố tụng.

Điều 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của người nước ngoài được xác*

*định theo pháp luật mà người đó có quốc tịch*”; Khoản 1 Điều 467 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Năng lực pháp luật tố tụng dân sự của cơ quan, tổ chức...nước ngoài được xác định theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó được thành lập*”. Do đó, đơn khởi kiện và văn bản ủy quyền của nguyên đơn P. phù hợp với quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên và các quy định tại các Điều 464, 20 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về phạm vi khởi kiện:

Ngày 11/3/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn;

- Buộc bị đơn chấm dứt việc sử dụng bất kỳ phần mềm nào không có bản quyền xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của nguyên đơn;

- Buộc bị đơn loại bỏ tất cả các phần mềm PTC1 không có bản quyền trên các máy tính của bị đơn và cam kết không xâm phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào của nguyên đơn;

- Buộc bị đơn phải xin lỗi công khai về những hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm máy tính PTC1 của nguyên đơn trên báo Nhân Dân, báo Bình Dương trong ba số liên tiếp.

- Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn tổng cộng là: 31.803.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn nộp đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn;

- Buộc bị đơn phải xin lỗi công khai về những hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm máy tính PTC1 của nguyên đơn trên báo Nhân Dân, báo Bình Dương trong ba số liên tiếp.

- Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

Giá trị thương mại - giá chuyển giao quyền sử dụng của 01 bản phần mềm C 2.0 và 02 bản phần mềm C 3.0 giới hạn theo 3 mô - đun có tính năng thiết kế, thiết kế khuôn mẫu và gia công là:  $03 \times 1.553.944.700$  đồng = 4.661.834.100 (bốn tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn một trăm) đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tiếp tục rút một phần yêu cầu về việc “*Tuyên bố hành vi bị đơn sao chép phần mềm PTC1 không được phép của nguyên đơn là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của nguyên đơn*”.

Do đó, Tòa án xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn rút yêu cầu.

[1.3] Theo hồ sơ vụ án thì bị đơn Công ty H có nhiều địa chỉ nhưng hiện tại Công ty H chỉ còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 35, đường DT747, khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, thị xã T2, tỉnh Bình Dương; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng cho Công ty H đều được nhân viên bảo vệ ký nhận và cam kết giao lại cho người có thẩm quyền của Công ty H.

Công ty H không có ý kiến trả lời, không giao nộp chứng cứ theo nội dung Thông báo thụ lý vụ án số 11/TBTL-TA ngày 01/7/2021 của Tòa án.

Ngày 21/3/2022, Tòa án tổng đạt cho bị đơn Thông báo số 03/TA-KT ngày 11/3/2022 (kèm theo đơn khởi kiện và kết luận thanh tra), với yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và giao nộp tài liệu chứng cứ kèm theo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ngày 26/3/2022, bị đơn có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án.

Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 03 lần các văn bản tố tụng (thông báo mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở phiên tòa, bản sao đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, vi bằng...) cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình nộp cho Tòa án.

Lần tổng đạt thứ tư (quyết định hoãn phiên tòa) để xét xử lần thứ hai, bị đơn nộp văn bản ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng và trình bày tại phiên tòa rằng bị đơn thừa nhận có xâm phạm bản quyền phần mềm của nguyên đơn nhưng do nhân viên của bị đơn tự ý xâm phạm với mục đích để nghiên cứu, bị đơn không sử dụng bản quyền này vào mục đích thương mại, bị đơn không thiết kế khuôn mẫu mà mua khuôn mẫu từ nước ngoài để sử dụng.

Khoản 2 Điều 64 của Luật Doanh nghiệp quy định về tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Tổng giám đốc là: *“Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định”*. Như vậy, lãnh đạo Công ty H là những người có trình độ, có nhận thức và có đủ điều kiện để biết hành vi vi phạm bản quyền, ý thức được nghĩa vụ chứng minh cho quyền lợi của mình trước Tòa án. Tuy nhiên, suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không chấp hành giấy triệu tập đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Gần đến ngày xét xử lần thứ hai bị đơn mới có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng nhưng vẫn không có chứng cứ gì mới nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[1.4] Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền tác giả” đối với phần mềm C 2.0 số: TX 7-632-395 và phần mềm C 3.0 số: TX 8-041-376; “Quyền tác giả” này được bảo hộ tại Việt Nam theo “Công ước Berne”, “Hiệp định thương mại Việt Nam



- Hoa Kỳ năm 2001” và khoản 2 Điều 13 Luật sở hữu trí tuệ. Chứng cứ chứng minh bị đơn Công ty H vi phạm “quyền tác giả” của nguyên đơn là Kết luận số 100/KL-TTr ngày 13/12/2018 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 của Chánh Thanh tra B.

Quyết định số 74/QĐ-XPVPHC đã có hiệu lực, bị đơn đã chấp hành và nộp phạt xong vào ngày 24/12/2018.

Bị đơn trình bày rằng: Bị đơn không có chủ trương xâm phạm bản quyền, nhân viên của bị đơn tự ý xâm phạm bản quyền của nguyên đơn; bị đơn đã khắc phục, đã nộp phạt và chấm dứt vi phạm từ khi có kết luận thanh tra và quyết định xử phạt vi phạm hành chính; bị đơn không sử dụng bản quyền của nguyên đơn vào mục đích thương mại nên không đồng ý bồi thường.

Tại Văn bản số 33/TA-KT ngày 07/6/2022, Tòa án gửi Chánh Thanh tra B yêu cầu giải thích nội dung Công ty TNHH Khóa kéo H vi phạm bản quyền phần mềm PTC1 P 2.0 và phần mềm PTC1 P 3.0 trong kết luận thanh tra là vi phạm trọn bộ (bản đầy đủ của các module) hay chỉ một phần bản quyền; tuy nhiên, văn bản được hoàn trả với nội dung “Văn thư T/C nhận”. Ngoài ra, Tòa án có thu thập văn bản trả lời của Chánh Thanh tra B trong vụ án tương tự khác, cụ thể là Văn bản số 01/TTr-VHGD ngày 12/01/2022, nội dung giải thích của Chánh thanh tra cũng không rõ phần mềm vi phạm là một phần hay toàn bộ.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án thu thập chứng cứ tại Công ty TNHH P và Công ty TNHH Phần mềm C1; 02 đơn vị này đã có văn bản trả lời Tòa án và cung cấp các hóa đơn chứng từ mua bán phần mềm có liên quan đến việc tranh chấp.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 25 Điều 70, Điều 72, khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 của Luật Sở hữu trí tuệ.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Với những phân tích đã nêu ở trên, có đủ căn cứ xác định Công ty H đã xâm phạm “quyền tác giả” đã được bảo hộ tại Việt Nam, cụ thể là phần mềm C 2.0 số: TX 7-632-395 và phần mềm C 3.0 số: TX 8-041-376 của P.; Công ty H đã vi phạm quy định tại Điều 28 của Luật Sở hữu trí tuệ; bị đơn không chứng minh hành vi vi phạm của mình thuộc trường hợp quy định tại Điều 25, 26 của Luật Sở hữu trí tuệ nên phải có trách nhiệm bồi thường.

[2.2] Thực hiện yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, Công ty TNHH P gửi cho Tòa án văn bản số 1701/CV-2022 ngày 17/01/2022, với nội dung: “...*phần mềm PTC1 P 2.0 và phần mềm PTC1 P 3.0 bản đầy đủ các modules (đầy đủ tính năng) giá rất cao, khoảng hơn 10 tỷ đồng...thực tế khách hàng thường chỉ mua một modules phổ biến có tính năng thiết kế cùng với các tiện ích mở rộng có tính năng thiết kế khuôn và gia công...*” Kèm theo là bản sao Hợp đồng mua bán phần mềm bản quyền giữa Công ty TNHH P với Công ty TNHH S (Việt Nam) ngày 30/9/2016, các hóa đơn số 0001000 và số 0001306, số tiền mua bán 02 gói phần mềm C Engineer IV bao gồm một phần chức năng (C

Complete Mold Design (CMD) và C Complete Machining (CMX)) là 3.108.586.000 đồng và Hợp đồng mua bán phần mềm bản quyền giữa Công ty TNHH P với Công ty TNHH R ngày 17/8/2016 hóa đơn số 0000852, số tiền mua bán 01 gói phần mềm C Engineer IV một phần chức năng là 1.095.956.400 đồng.

Công ty TNHH Phần mềm C1 gửi cho Tòa án Văn bản số 18022022/CVPD ngày 18/02/2022 có nội dung trả lời tương tự như nội dung văn bản trả lời của Công ty TNHH P. Kèm theo là bản sao Hợp đồng mua bán giữa Công ty CP Nhựa Thiệu niên T2 với Công ty TNHH Phần mềm C1 ngày 26/4/2016, các hóa đơn 0000129 và 0000146, số tiền mua bán 04 bộ, mỗi bộ trị giá: 1.553.944.700 đồng (tổng trị giá 6.215.778.800 đồng), bao gồm một phần chức năng thiết kế khuôn và gia công.

Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/5/2022 có thể hiện nội dung: Đăng nhập máy tính của Công ty H, máy tính Công ty H có phần mềm bản quyền của PNC INC. với hình ảnh là khuôn mẫu là khóa, túi xách, áo phông.... Đối chiếu với các chứng cứ Tòa án thu thập ở trên và Vi bằng lập ngày 23/5/2022 là thống nhất, không có mâu thuẫn.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận giá mua bán bản quyền phần mềm do nguyên đơn đưa ra là phù hợp.

Với những chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định Công ty H đã xâm phạm số lượng 03 bản quyền phần mềm PTC1 ở chức năng thiết kế sản phẩm, thiết kế khuôn và gia công phù hợp với nhu cầu sử dụng của Công ty H. Bị đơn không chứng minh được hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình thuộc trường hợp quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ; do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về số tiền bồi thường:

Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ quy định:

*“Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây thiệt hại về vật chất cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường theo một trong các căn cứ sau đây:*

*a) Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ...*

*b) Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giá định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;*

...

*d) Trường hợp không thể xác định thiệt hại về vật chất...thì mức bồi thường do Tòa án ấn định nhưng không quá năm trăm triệu đồng”.*

Theo hợp đồng mua bán và hóa đơn giá trị gia tăng ở thời điểm năm 2016 thì 01 gói phần mềm C có giá từ 1.095.956.400 đồng đến 1.553.944.700 đồng, tùy theo chức năng. Nay, ở thời điểm 2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn vi phạm phải bồi thường cho 03 gói phần mềm C (2.0 và 3.0) với số tiền:  $03 \times 1.553.944.700$  đồng (giá cao nhất thời điểm năm 2016) = 4.661.834.100 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều 205 của Luật Sở hữu trí tuệ, sự thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa và đảm bảo cho quyền lợi hợp pháp của hai bên đương sự.

[2.3] Về yêu cầu buộc bị đơn phải xin lỗi công khai về những hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm máy tính PTC1 của nguyên đơn trên báo Nhân Dân, báo Bình Dương trong ba số liên tiếp.

Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các biện pháp dân sự:

*"Tòa án áp dụng các biện pháp dân sự sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:*

1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
4. Buộc bồi thường thiệt hại;

...”

Với quy định trên, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn xin lỗi công khai là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu mà nguyên đơn rút đơn không còn khởi kiện là có căn cứ.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 30, các Điều 37, 71, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 3, 4, 13, điểm m khoản 1 Điều 14, các Điều 20, 22, điểm a khoản 1 Điều 25, các Điều 28, 202, 205 của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P. bao gồm:

- Tuyên bố hành vi của Công ty TNHH H sao chép phần mềm PTC1 không được phép của P. là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với phần mềm này của P.;

- Buộc Công ty TNHH H chấm dứt việc sử dụng bất kỳ phần mềm nào không có bản quyền xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của P.;

- Buộc Công ty TNHH H loại bỏ tất cả các phần mềm PTC1 không có bản quyền trên các máy tính của Công ty TNHH H và cam kết không xâm phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào của P.;

- Buộc Công ty TNHH H bồi thường thiệt hại cho P. số tiền 27.141.655.900 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P.; buộc bị đơn Công ty TNHH H phải:

- Bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn P. (do có hành vi vi phạm bản quyền phần mềm C Parametric 2.0 và 3.0 của nguyên đơn) số tiền 4.661.834.100 (bốn tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn một trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH H phải xin lỗi công khai nguyên đơn P. (do có hành vi vi phạm bản quyền phần mềm C Parametric 2.0 và 3.0 của nguyên đơn P.) trên Báo Bình Dương và Báo Nhân dân trên 03 số báo liên tiếp.

3. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn P. không phải chịu; trả lại cho nguyên đơn P. số tiền tạm ứng án phí đã nộp 70.201.970 (bảy mươi triệu hai trăm linh một nghìn chín trăm bảy mươi) đồng, theo Biên lai số 0054867 ngày 25/6/2021 của Cục T3 tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn Công ty TNHH Khóa kéo H phải chịu 112.661.834 (một trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP, Tòa KT.

**(đã ký)**

**Đào Minh Đa**